

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 432/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Huỳnh Tiên Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 919/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Trần Quang H - sinh năm 1970

Chứng minh nhân dân số 02xxxxxxx do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/2009

Thường trú: phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà Mai Thị Thu T2 - sinh năm 1971

Thường trú: phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường T3, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của Ông Trần Quang H trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông và bà Mai Thị Thu T2 chung sống với nhau năm 1993, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện K (nay là huyện C),

tỉnh Đắk Lắk. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống không có tiếng nói chung và ông bà đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sinh sống ở một nơi và không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Mai Thảo M sinh ngày 28/8/1994, Trần Phương K1 sinh ngày 17/3/1996 và Trần Mai Ý N sinh ngày 25/01/2008. Nay ly hôn, do cháu N đang do bà T2 nuôi dưỡng nên ông đồng ý giao con chung tên Trần Mai Ý N sinh ngày 25/01/2008 cho bà T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, 02 con chung tên Trần Mai Thảo M sinh ngày 28/8/1994 và Trần Phương K1 sinh ngày 17/3/1996 đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 16/02/2022 Ông Trần Quang H có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây.

Bà Mai Thị Thu T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường T3, thành phố T thì bà Mai Thị Thu T2 cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Trần Quang H có đơn yêu cầu vắng mặt, bà Mai Thị Thu T2 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa

lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Trần Quang H và bà Mai Thị Thu T2 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số xx, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk cấp ngày xx/yy/zzzz. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay ông H nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà T2, trong quá trình giải quyết vụ án ông H kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của ông H: ông H và bà T2 kết hôn hợp pháp, theo ông H trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do không còn hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống không có tiếng nói chung và ông bà đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sinh sống ở một nơi và không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông H, bà T2 tại Ủy ban nhân dân phường T3 và được cung cấp thông tin tại văn bản số 3666/UBND ngày 09/11/2021 là ông H, bà T2 đã ly thân. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, thực tế hiện nay ông H và bà T2 đã sinh sống tại 02 địa chỉ khác nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà T2 đến Tòa nhưng bà T2 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà T2. Trong khi đó, ông H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày xx/yy/zzzz cho Trần Mai Thảo M, giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày xx/yy/zzzz cho Trần Phương K1 và giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân phường T1, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/zzzz cho Trần Mai Ý N có căn cứ xác định ông Trần Quang H và bà Mai Thị Thu T2 có 03 con chung tên Trần Mai Thảo M sinh ngày 28/8/1994, Trần Phương K1 sinh ngày 17/3/1996 và Trần Mai Ý N sinh ngày 25/01/2008.

Xét yêu cầu của ông H về việc giao con chung Trần Mai Ý N cho bà T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng: Theo văn bản số 3666/UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường T3 thì con chung Trần Mai Ý N hiện đang do bà T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà T2 về yêu cầu giao con chung của ông H nhưng bà T2 không có ý kiến. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Trần Mai Ý N và cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà T2. Từ những lý do trên nên yêu cầu của ông H về việc sau khi ly hôn giao con chung tên Trần Mai Ý N cho bà T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà T2 biết về mức cấp dưỡng nuôi con mà ông H đề nghị, tuy nhiên bà T2 không có ý kiến. Theo văn bản số 3666/UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường T3 thì ông H đang làm thợ hồ, tạm trú tại phòng trọ, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, bà T2 buôn bán quán ăn tại nhà thu nhập 5.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Như vậy, với mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng thì ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 17/02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

02 con chung tên Trần Mai Thảo M sinh ngày 28/8/1994, Trần Phương K1 sinh ngày 17/3/1996 đã đủ tuổi trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: ông H xác định không có.

[7] Về án phí: ông H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang H được ly hôn với bà Mai Thị Thu T2.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Mai Ý N sinh ngày 25/01/2008 cho bà Mai Thị Thu T2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Quang H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 17/02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

02 con chung tên Trần Mai Thảo M sinh ngày 28/8/1994, Trần Phương K1 sinh ngày 17/3/1996 đã đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Mai Thị Thu T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quang H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hằng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Quang H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trần Quang H xác định không có.

5. Về án phí: Ông Trần Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Quang H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0059193 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Trần Quang H còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Thủy

